

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ
NĂM 2025

(Dùng cho đơn vị sự nghiệp công lập báo cáo cơ quan quản lý cấp trên)

I. Đánh giá chung

Tình hình triển khai thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

Trong năm 2025 thực hiện theo chủ trương của Đảng và Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Công văn số 4205/BTC-NSNN ngày 02/4/2025 của Bộ Tài chính về nguyên tắc xử lý tài chính, NSNN khi tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. Ngay từ đầu, Trường THPT Chu Văn An đã triển khai thực hiện Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Lập phương án tự chủ tài chính năm đầu thời kỳ ổn định giai đoạn 2022-2025.

II. Đánh giá cụ thể

1. Về tình hình thực hiện nhiệm vụ; tổ chức bộ máy; số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng:

a) Về tổ chức bộ máy:

Ban giám hiệu: 03 người

Giáo viên, nhân viên biên chế: 63 người

Nhân viên hợp đồng theo Nghị định 111: 03 người

Tổng số người làm việc là 69 người được chia thành 09 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng.

b) Về số lượng cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng:

- Tổng số cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng giao đầu năm: 69 người (trong đó: viên chức quản lý: 03 người, giáo viên: 62 người, nhân viên hành chính: 04 người)

- Tổng số cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng cuối năm: 69 người (trong đó: số cán bộ, viên chức 66 người; số lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên 03 người).

Nguyên nhân tăng, giảm cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng của đơn vị; tình hình tinh giản cán bộ, viên chức: Năm 2025, đơn vị có 01 giáo viên chuyển đến trường khác và 01 giáo viên xin nghỉ việc vì thi đậu biên chế ở nơi khác.

c) Về thực hiện nhiệm vụ được giao:

- Đánh giá chung về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị; tình hình chấp hành chính sách chế độ và các quy định về tài chính: Đơn vị đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao trong năm, chấp hành nghiêm chỉnh chính sách chế độ và các quy định về tài chính.

- Về thực hiện nhiệm vụ thu, chi phí, lệ phí theo pháp luật phí và lệ phí: Chấp hành đúng hướng dẫn của cơ quan chức năng, cơ quan chủ quản.

- Thực hiện các nhiệm vụ chi không thường xuyên: Hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao về chi không thường xuyên, đảm bảo chế độ chính sách cho giáo viên và học sinh.

2. Về giao quyền tự chủ tài chính cho đơn vị

Đơn vị được cơ quan cấp trên giao quyền tự chủ tài chính là đơn vị nhóm 3 theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

3. Về thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị

a) Về các khoản thu sự nghiệp, thu phí, thu từ nguồn NSNN đặt hàng, giao nhiệm vụ:

- Các khoản thu phí: Thu học phí theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP đối với Học kỳ II năm học 2024-2025 và theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP đối với học kỳ I năm học 2025-2026

b) Về nguồn thu, chi thường xuyên:

b.1)

Thu học phí

+ Dự toán thu: 485.433.000 đồng

+ Số thực hiện: 750.335.000 đồng.

- *Chi học phí*

+ Dự toán chi: 485.433.000 đồng

+ Số thực hiện: 554.955.000 đồng

+ Số trích tạo nguồn CCTL: 195.380.000 đồng

b.2) Thu từ NSNN hỗ trợ chi thường xuyên

+ Dự toán thu: 14.987.074.269 đồng

+ Số thực hiện: 14.987.074.269 đồng.

- *Chi thường xuyên*

+ Dự toán chi 14.044.481.100 đồng

+ Số thực hiện 14.044.481.100 đồng

- Chênh lệch thu chi từ nguồn NSNN chi thường xuyên: 942.593.169 đồng

c) Chênh lệch thu, chi thường xuyên trích lập các quỹ (theo số thực hiện): 711.000.000 đồng.

- Tình hình sử dụng quỹ bổ sung thu nhập:

Số dư đầu năm 172.800.000 đồng; số trích trong năm: 281.000.000 đồng, số chi trong năm: 172.800.000 đồng (chi thu nhập tăng thêm năm 2024); số dư chuyển sang năm sau: 281.000.000 đồng (dùng để chi thu nhập tăng thêm năm 2025).

- Tình hình sử dụng quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp:

Số dư đầu năm 47.892.000 triệu đồng; số trích trong năm: 50.000.000 đồng; số chi quỹ trong năm: 29.926.000 đồng; số dư chuyển sang năm sau: 67.966.000 đồng.

- Tình hình sử dụng các quỹ khen thưởng, phúc lợi: Số dư đầu năm 150.250.000 đồng; số trích trong năm: 380.000.000 đồng; số chi quỹ trong năm: 137.000.000 đồng; số dư chuyển sang năm sau: 393.250.000 đồng.

d) Về chi trả thu nhập tăng thêm trong năm

- Tổng chi thu nhập tăng thêm của đơn vị: 281.000.000 đồng

- Thu nhập tăng thêm bình quân của người lao động trong đơn vị: 334.524 đồng/tháng; hệ số tăng thu nhập bình quân: 0,14 lần; trong đó: Người có thu nhập tăng thêm cao nhất: 366.667 đồng/tháng; người có thu nhập tăng thêm thấp nhất: 316.667 đồng/tháng.

d) Tình hình xây dựng, thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ:

Quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế quản lý sử dụng tài sản công hàng năm được tổ chức công khai, dân chủ thông qua Hội nghị viên chức hàng năm và có cân đối lại khi dự toán năm ngân sách cấp.

e) Các biện pháp thực hành tiết kiệm chi và tăng thu:

Nhà trường chấp hành tốt về tình hình sử dụng ngân sách, chế độ chính sách, chi tiêu tài chính tiết kiệm, quản lý hành chính chặt chẽ, vận động thu Học phí đảm bảo, tránh thất thu, vận động học sinh không bỏ học để đảm bảo nguồn thu trong năm.

g) Về thực hiện các hoạt động vay vốn, huy động vốn:

Không có

4. Nguồn thu, chi nhiệm vụ không thường xuyên:

Nội dung	Dự toán giao	Thực hiện
Mua sắm bàn ghế học sinh 2024 chuyển sang	126.999.928	126.999.928
Cấp bù học phí Nghị quyết 26	1.326.000	0
Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP và NĐ238	15.450.000	8.100.000
Cấp bù học phí do thực hiện chính sách miễn, giảm theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	3.250.000	3.250.000
Cấp bù học phí do thực hiện chính sách hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 26/2024/NQ-HĐND	260.559.000	261.885.000
Chính sách đối với học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật theo Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND và 07/2024/NQ-HĐND	18.000.000	9.060.000
Chính sách hỗ trợ học sinh ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP và NĐ 66	46.656.000	18.720.000
Phụ cấp ưu đãi giảng dạy người khuyết tật theo Nghị định số 28/2012/NĐ-CP	45.456.000	45.456.000
Chế độ phụ cấp thâm niên nhà giáo theo Nghị định số 77/2021/NĐ-CP	1.632.276.000	1.632.150.849
Tiền lương lao động hợp đồng (ký kết hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP)	240.772.000	240.772.000
Bổ sung sửa chữa công trình 2024	9.828.000	9.828.000
Hỗ trợ văn hóa đọc	179.892.000	175.080.000
Thi tuyển sinh vào lớp 10 NH 25-26	72.275.000	71.084.300
Tổ chức ôn tập cho học sinh DTTS	3.240.000	3.240.000
Thi tốt nghiệp THPT năm 2025	96.705.000	96.487.800

Chế độ cho học sinh theo NQ 26/2021/NQ-HĐND	101.700.000	101.700.000
Mua sắm bàn ghế, thiết bị, máy vi tính	755.450.000	0
Cấp bù học phí nghị định 238 HK1 25-26	486.800.000	485.200.000
Thăng hạng GV 2025	77.006.000	77.006.000
Dạy HS khuyết tật HK1 25-26	100.330.000	82.491.858

5. Những khó khăn, tồn tại:

- Việc thực hiện chương trình GDPT 2018 còn gặp nhiều khó khăn do thiếu trang thiết bị dạy học.

- Đội ngũ giáo viên còn chưa ổn định do nhiều giáo viên công tác xa nhà luôn có nhu cầu chuyển hoặc nghỉ việc dẫn đến không toàn tâm toàn ý đầu tư cho công tác chuyên môn.

6. Đề xuất, kiến nghị:

- Tổ chức các kỳ thi viên chức để đảm bảo số lượng giáo viên cần thiết. Tạo điều kiện cho các giáo viên ở xa nhà được chuyển công tác về gần nhà để giáo viên có thể yên tâm công tác.

- Đầu tư thiết bị dạy học, phòng máy vi tính.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nguyễn Bá Ngân